



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY LẮP VIỄN ĐÔNG
86 Trần Bình Trọng, P.Tân Thuận Đông, Q 7, TP.HCM
Tel : (08) 3773 2901 Email: info@vidoco.com.vn

bsi.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM BÁO CÁO : 2015

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY LẮP VIỄN ĐÔNG
Tên viết tắt	: VDC
Trụ sở chính	: 86 Trần Bình Trọng, P.Tân Thuận Đông, Q 7, Tp.Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thành lập:

Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Thông (tên viết tắt: **VDC**) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103005701 (số cũ) ngày 12/12/2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần 7 theo giấy CNĐK doanh nghiệp số 0304754785 (số mới) ngày 08/01/2016.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự toán các công trình Bưu chính Viễn thông.
- Thiết kế phần thông tin liên lạc và Bưu chính Viễn thông trong công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công xây lắp các công trình Bưu chính Viễn thông – Tin học, hệ thống chống sét.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng & công nghiệp.
- Mua bán hàng điện, điện lạnh, điện tử, kim khí điện máy, cáp đồng, cáp quang, thiết bị vật liệu Bưu chính Viễn thông – Tin học.
- Đại lý ký gửi hàng hóa. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống thông tin liên lạc và Bưu chính Viễn thông – Tin học, hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Thăm tra thiết kế, kiểm định chất lượng công trình xây dựng
- Tư vấn đấu thầu, xây dựng công trình cầu đường, công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Nạo vét cống rãnh. Mua bán vật liệu xây dựng, ống nhựa, nhựa đường.
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Cho thuê máy móc, thiết bị cơ giới. Tái lập mặt đường.
- Khách sạn, trồng cây lâu năm, trồng rừng và chăm sóc rừng. Chuẩn vị mặt bằng. Xây dựng công trình kỹ thuật công nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản

3. Định hướng phát triển:

a. Gia tăng thị phần dịch vụ Viễn thông : Đẩy mạnh công tác Tư vấn, thiết kế, xây lắp, các công trình viễn thông – tin học; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông, mạng hầm cống cáp, trạm BTS, mạng ngoại vi viễn thông.

b. Đẩy nhanh triển khai dự án Khu dân cư 61Ha xã Cửa cạn Phú Quốc : Đây là Dự án do Công ty cổ phần thiết kế xây lắp Viễn Đông làm chủ đầu tư.

c. Về tài chính: Hạn chế vay ngân hàng, sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có.

d. Về tổ chức:

- Tăng cường công tác điều hành sản xuất, cơ cấu lại bộ máy quản lý Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2008.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân vì mục tiêu chung là phát triển Công ty một cách bền vững.
- Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý và công nhân có trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai.

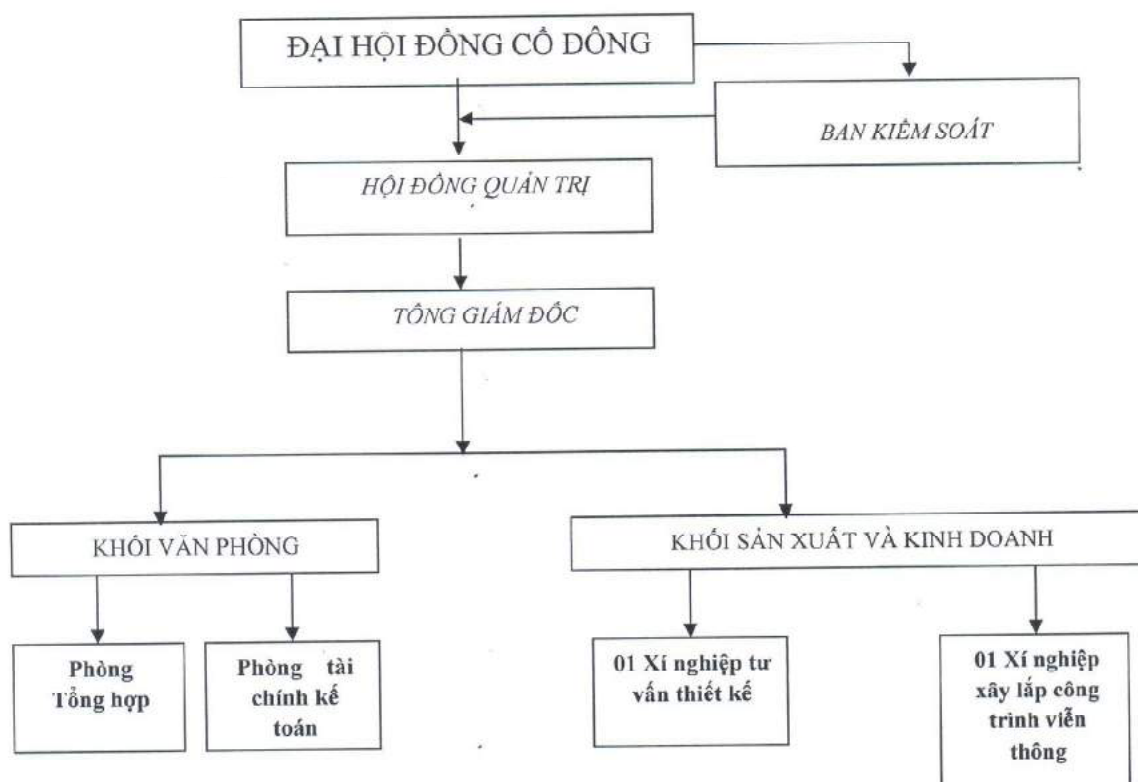
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu năm 2015 của công ty thấp hơn năm 2014 do ảnh hưởng của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau. Sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh biến động khiến cho doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra, do ảnh hưởng của các nghị định mới của chính phủ về luật đấu thầu.

Diễn giải	2014	2015	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	13,666,634,760	8,289,485,357	-39.34%
Giá vốn hàng bán	10,707,166,953	5,875,114,316	-45.13%
Lợi nhuận từ bán hàng và dịch vụ	2,959,467,807	2,414,371,041	-18.42%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,153,979,752	354,299,034	-69.29%
Chi phí tài chính	282,775,731	148,500,000	-47.48%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,904,389,534	2,505,173,861	-13.74%
Lợi nhuận từ kinh doanh	926,282,295	114,996,214	-87.58%
Thu nhập khác	224,824,598	6,114,291	-97.28%
Chi phí khác	60,230,225	22,393,478	-62.82%
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,090,876,668	98,717,027	-90.95%
Thuế TNDN phải nộp	296,884,446	45,178,705	-84.78%
Lợi nhuận sau thuế	793,992,222	53,538,322	-93.26%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	198	13	-93.43%

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



a. Khối văn phòng : Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp

b. Khối sản xuất và kinh doanh :

- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế
- + Xí nghiệp Xây lắp

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

▪ Hội đồng quản trị :

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Ông Phạm Đình Dũng | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Diệp Minh Thơ | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Lê Thiết Hùng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Đặng Minh Hải | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Thị Xinh | Ủy viên Hội đồng quản trị |

▪ Ban kiểm soát :

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| - Bà Trần Thị Phương Lan | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Trần Thị Thùy Dung | Ủy viên Ban kiểm soát |

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần để sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Năm 2015 Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động của Công ty là 14 người.

b. Chính sách đối với người lao động:

*** Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ; Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học về ngoại ngữ, tin học, quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp hiện đại, các chế độ, chính sách của nhà nước..... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

*** Chính sách tiền lương:**

Công ty xây dựng quy chế về trả lương và phân phối tiền thưởng áp dụng thống nhất trong Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

*** Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

*** Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập

thể... Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn, hoặc hiếu hỷ. Các ngày Trung thu, ngày 1-6, ngày lễ, tết Công ty còn tặng quà cho con em CBCNV.

Ngoài việc được khám sức khỏe định kỳ, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau...

5. Tình hình tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	48,020,995,110	50,091,654,973	4.31%
2	Doanh thu thuần	13,666,634,760	8,289,485,367	-39.34%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	926,282,295	114,996,214	-87.58%
4	Lợi nhuận khác	164,594,373	(16,279,187)	-109.89%
5	Lợi nhuận trước thuế	1,090,876,668	98,717,027	-90.95%
6	Lợi nhuận sau thuế	793,992,222	53,538,322	-93.26%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	198	13	-93.43%

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Chỉ tiêu tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2014	NĂM 2015
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39.57	37.24
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		60.43	62.76
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả /Tổng tài sản	%	11.35	14.91
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản		88.65	85.09
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2.27	2,46

	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất Lợi nhuận TT/ Tổng tài sản		2.27	0.20
4	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu thuần	%	5.81	0.65
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Nguồn vốn CSH		1.87	0.13
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn điều lệ		1.98	0.13

2. Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2015 :

- Tình hình kinh tế trong nước vẫn còn rất nhiều khó khăn: Thị trường bị thu hẹp do hạn chế đầu tư công của nhà nước trong đó có VNPT khách hàng chủ yếu của công ty.
- Do ảnh hưởng nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu (chỉ cho phép doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đấu thầu các gói công trình xây lắp có giá trị không quá 05 tỷ đồng)
- Thị trường cạnh tranh ngày càng cao đã kéo giá đầu ra xuống mức thấp.

3. Những tiến bộ và định hướng phát triển tương lai:

- Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành tổ chức sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn bộ máy phù hợp với việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
- Năm 2015 tăng cường tiếp thị tư vấn, thiết kế xây dựng công trình hầm cống cáp, BTS, mạng ngoại vi, ngầm hoá điện lực, viễn thông.
- Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch, xây dựng dự án khu dân cư, dịch vụ - thương mại Cửa Cạn tại xã Cửa Cạn huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2015 đã kiểm toán

1. Bảng cân đối kế toán :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31,438,588,735	29,018,288,033
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	171,052,729	1,388,776,627
1. Tiền	111		171,052,729	1,388,776,627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.5	14,140,000,000	-

1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		14,288,500,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		(148,500,000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,486,389,387	25,186,076,747
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	7,403,530,084	4,483,509,653
2. Trả trước cho người bán	132		1,034,249,909	734,249,909
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	4,000,000,000	14,600,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4,048,609,394	5,368,317,185
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	608,868,791	2,411,652,327
1. Hàng tồn kho	141		608,868,791	2,411,652,327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32,277,828	31,782,332
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	32,277,828	31,782,332
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18,653,066,238	19,002,707,077
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37,165,261	50,040,475
1. Phải thu dài hạn khác	218	V.4	37,165,261	50,040,475
II. Tài sản cố định	220		200,082,431	278,400,013
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	200,082,431	278,400,013
- Nguyên giá	222		803,222,406	803,222,406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(603,139,975)	(524,822,393)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	6,643,159,090	6,847,249,999
- Nguyên giá	231		8,163,636,364	8,163,636,364
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1,520,477,274)	(1,316,386,365)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11,772,659,456	11,772,659,456
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.7	11,772,659,456	11,772,659,456
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	54,357,134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	-	54,357,134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		50,091,654,973	48,020,995,110

C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7,468,294,358	5,451,172,817
I. Nợ ngắn hạn	310		7,468,294,358	5,451,172,817
1. Phải trả cho người bán	311	V.11	777,259,070	813,984,050
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.12	442,762,330	239,958,217
4. Phải trả người lao động	314		54,933,318	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	6,193,339,640	4,397,230,550
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42,623,360,615	42,569,822,293
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	42,623,360,615	42,569,822,293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,718,904,125	1,718,904,125
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		904,456,490	850,918,168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		850,918,168	56,925,946
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53,538,322	793,992,222
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		50,091,654,973	48,020,995,110

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8,397,401,446	13,816,495,749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	107,916,089	149,860,989
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	8,289,485,357	13,666,634,760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	5,875,114,316	10,707,166,953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,414,371,041	2,959,467,807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	354,299,034	1,153,979,752
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	148,500,000	282,775,731
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	282,775,731
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	2,505,173,861	2,904,389,534
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114,996,214	926,282,295
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6,114,291	224,824,598
12. Chi phí khác	32	VI.9	22,393,478	60,230,225
13. Lợi nhuận khác	40		(16,279,187)	164,594,373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98,717,027	1,090,876,668
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	45,178,705	296,884,446
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53,538,322	793,992,222
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	13	198

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98,717,027	1,090,876,668
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		282,408,491	416,753,012
- Các khoản dự phòng	03		148,500,000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(354,299,034)	(1,153,979,752)
- Chi phí lãi vay	06		-	282,775,731
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		175,326,484	636,425,659
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,204,333,978)	(497,388,983)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,802,783,536	3,374,830,233
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4,439,884,358	916,930,015
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		54,357,134	54,357,135
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(14,288,500,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(282,775,731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(125,881,522)	(257,106,628)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(6,041,052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,966,363,988)	3,939,230,647
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3,600,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,600,000,000	3,000,000,000

5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,490,700,090	638,702,694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12,090,700,090	38,702,694
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3,000,000,000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,342,060,000)	(23,674,315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,342,060,000)	(3,023,674,315)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,217,723,898)	954,259,026
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,388,776,627	434,517,601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		171,052,729	1,388,776,627

2. Ý kiến kiểm toán:

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lập Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Tp.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2015

